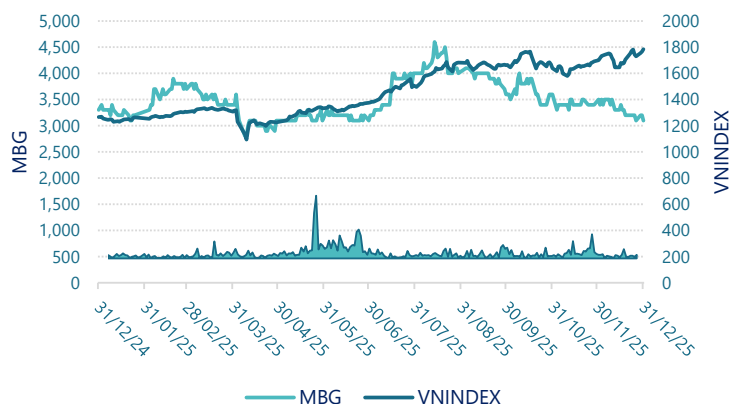


CTCP Tập đoàn MBG (HNX: MBG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	3,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,800
SL cổ phiếu LH	120,218,540
KLGD BQ 20 phiên (CP)	218,755
% sở hữu nước ngoài	1.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	373
P/E	16.9
EPS	183

DT thuần

Q4/25

161

tỷ VNĐ

QoQ: ▼20.0 | -11.0%

YoY: ▲40.0 | 33.1%

LN sau thuế

Q4/25

8.84

tỷ VNĐ

QoQ: ▲3.17 | 55.9%

YoY: ▼11.1 | -55.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

5.4%

+/- YoY: ▼5.3%

DT thuần

2025

526

tỷ VNĐ

YoY: ▲215 | 68.9%

LN sau thuế

2025

22.1

tỷ VNĐ

YoY: ▼5.30 | -19.3%

ROE

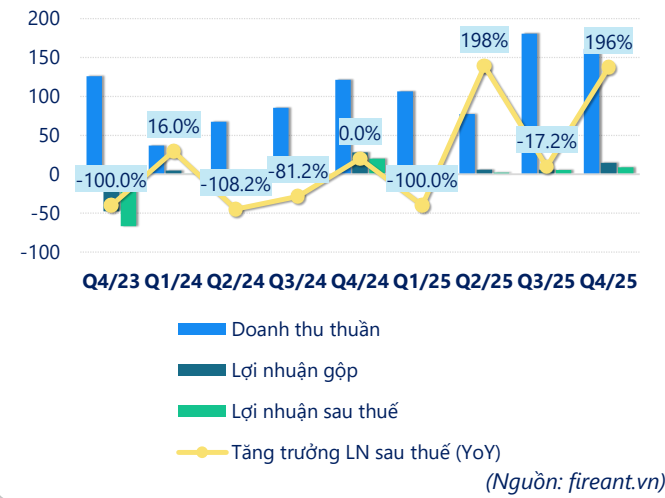
2025

1.7%

+/- YoY: ▼0.5%

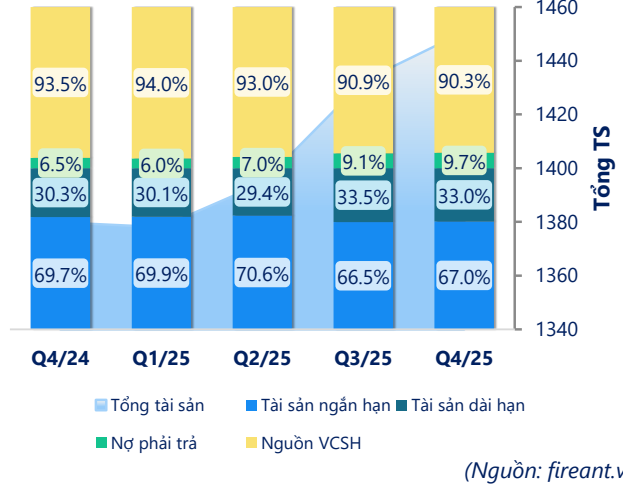
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

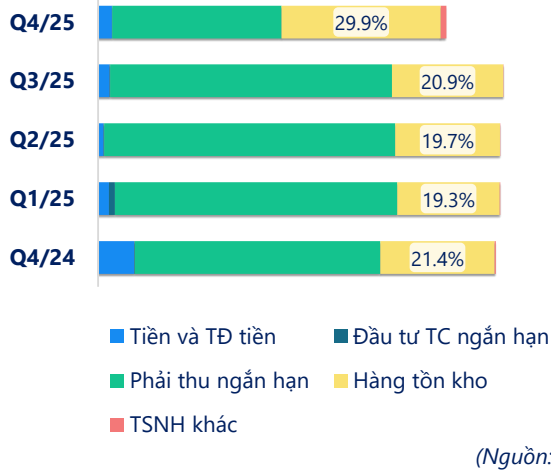


Cơ cấu Tổng tài sản

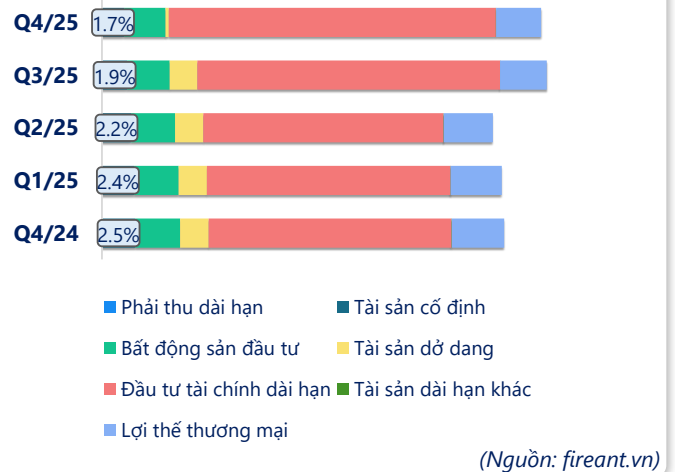
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

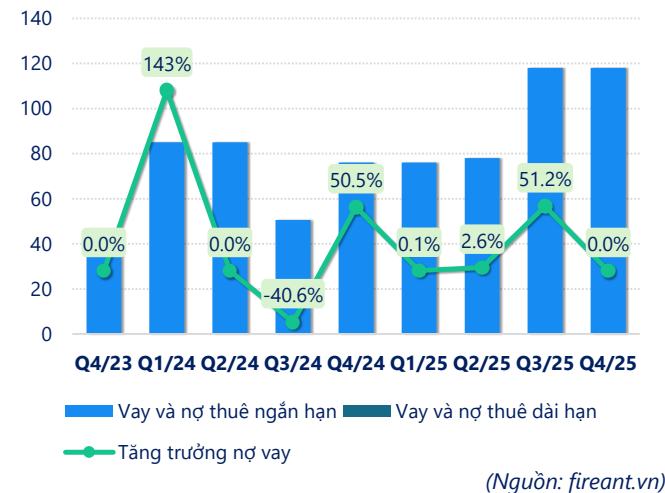


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



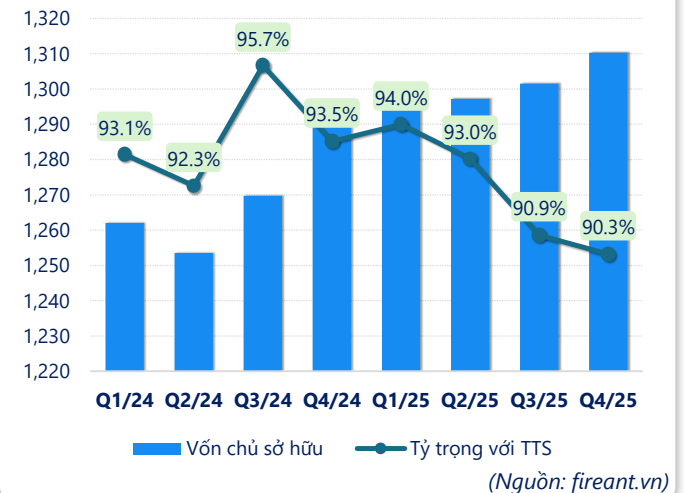
tỷ VNĐ

Nợ vay

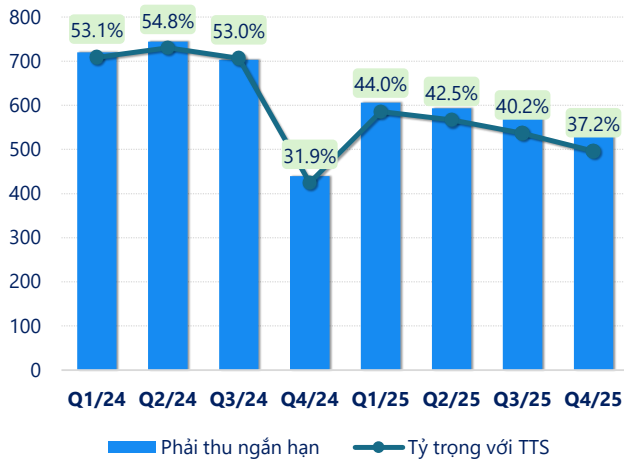


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

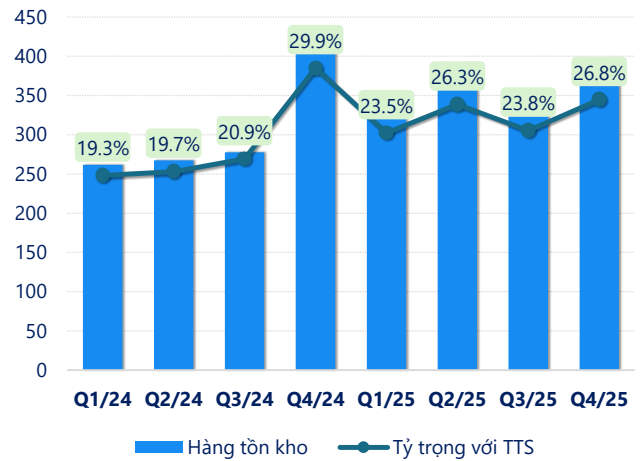


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


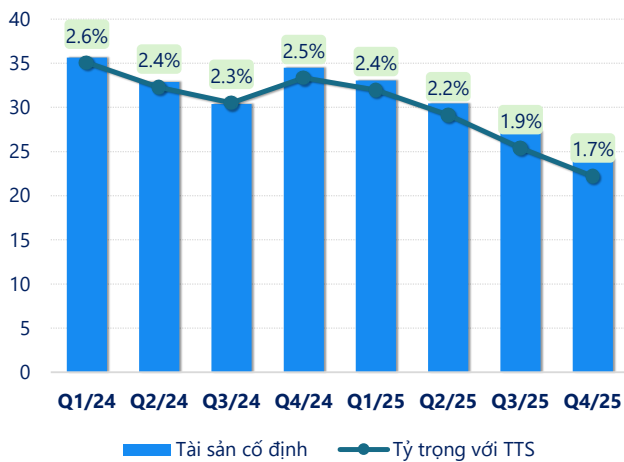
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


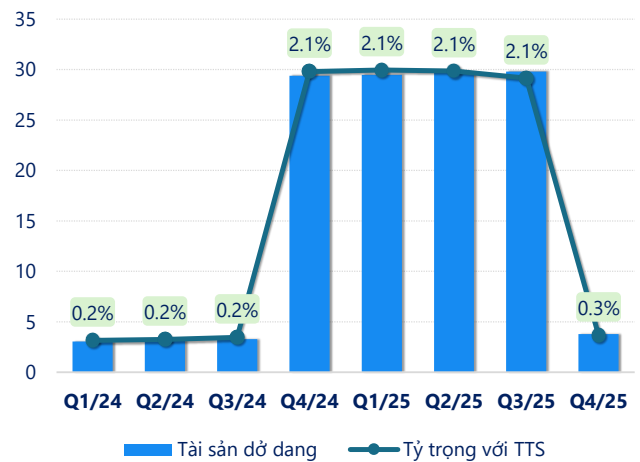
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

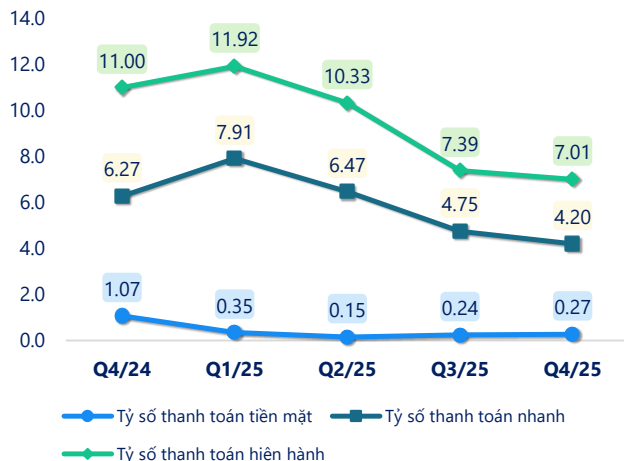
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

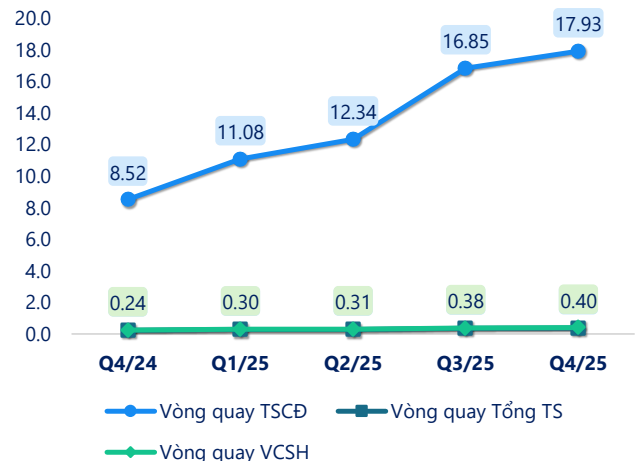
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,380	1,378	1,394	1,432	1,451
Tài sản ngắn hạn	962	964	984	953	972
Tiền và tương đương tiền	93.8	28.1	14.4	31.2	37.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.10	1.10	1.10	0	0
Phải thu ngắn hạn	439	606	593	576	540
Hàng tồn kho	413	324	367	340	389
Tài sản ngắn hạn khác	14.7	4.67	8.11	5.14	5.54
Tài sản dài hạn	418	415	410	479	479
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	34.5	33.1	30.5	27.3	24.1
Bất động sản đầu tư	46.8	46.4	46.2	45.8	45.1
Tài sản dở dang	29.4	29.5	29.7	29.8	3.79
Đầu tư tài chính dài hạn	252	252	252	326	357
Tài sản dài hạn khác	0.10	0.10	0.09	0.09	0.08
Lợi thế thương mại	54.5	53.1	51.7	50.4	49.0
Nợ phải trả	89.5	82.8	97.2	131	140
Nợ ngắn hạn	87.5	80.9	95.3	129	139
Vay và nợ thuê ngắn hạn	76.0	76.1	78.1	118	118
Phải trả người bán ngắn hạn	7.73	1.42	13.7	7.30	16.2
Nợ dài hạn	1.97	1.90	1.90	1.90	1.72
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,290	1,295	1,297	1,302	1,310
Vốn chủ sở hữu	1,290	1,295	1,297	1,302	1,310
Vốn điều lệ	1,202	1,202	1,202	1,202	1,202
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)